

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ điều 212; điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/07/2019.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2019 về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Vũ L**, sinh năm 1976

Hộ khẩu thường trú+ nơi ở: số 7 ngách 50/59 đường Đặng Thai M, phường Quảng A, quận T, thành phố H

Và Anh Đỗ Hồng T, sinh năm 1974

Hộ khẩu thường trú+ nơi ở: số 7 ngách 50/59 đường Đặng Thai M, phường Quảng A, quận T, thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vũ L và Anh Đỗ Hồng T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2000 tại UBND phường Quảng A, quận T, thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hai bên xác định do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm và đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai bên xác nhận có 1 con chung là Đỗ Đức K, sinh ngày 28/12/2000. Hiện đã trưởng thành.

[3] Về tài sản, nhà ở chung, công nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Vũ L và Anh Đỗ Hồng T.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 1 con chung là Đỗ Đức K, sinh ngày 28/12/2000. Hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nhà ở chung, công nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Vũ L tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03581 ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T;
- UBND phường Quảng A, quận T, thành phố H;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TRẦN VIỆT HÙNG

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).